

Biểu mẫu 11

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
BÌNH LỢI TRUNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 20232 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	35	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	1,30
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	15	0,69
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	0,12
7	Bình quân lớp/phòng học		35/35
8	Bình quân học sinh/lớp		43,2
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.823	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8815	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	965,5	
3	Diện tích thư viện (m ²)	112	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	385	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24x2; 70	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	85	2,43
1.1	Khối lớp 6	20	1,6
1.2	Khối lớp 7	18	2,3
1.3	Khối lớp 8	18	3,0
1.4	Khối lớp 9	29	3,2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	32m ²	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	195	Số học sinh/bộ 7,75
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	1
2	Cát xét	10	0,29
3	Đầu Video/đầu đĩa	-	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	-	
5	Thiết bị khác : Đàn	45	1,329
6	Bảng Active board	01	0,03
7	Bảng IQ board	03	0,08

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	1
2	Cát xét	10	0,29
3	Đầu Video/đầu đĩa	-	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	-	
5	Thiết bị khác...		
5	Thiết bị khác : Đàn	45	1,329
6	Bảng Active board	01	0,03
7	Bảng IQ board	03	0,08

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	-
XI	Nhà ăn	-

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	728	725	1,00
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	22/22		7,5/7,5

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây		

(*Theo Thông tư số [12/2011/TT-BGDĐT](#) ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

Bình thành, ngày 20 tháng 9 năm 2023

Hiệu trưởng

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Thủy

Biểu mẫu 12

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
BÌNH LỢI TRUNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở
Năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	70		01	62	04						61	01		
1	Toán	11			11							11			
2	Lý	4			04							03	01		
3	Hóa	3			03							03			
4	Sinh	3			02	01						03			
	Văn	10			10							10			
	Ngoại ngữ	10			10							10			
	Sử	3			02	01						03			
	Địa	3			03							03			
	GDCD	2			02							02			
	Thể dục	5			05							05			
	Âm nhạc	1			01							01			
	Mỹ thuật	1			01							01			
	Công nghệ	3			01	02						03			
	Tin học	02			02							02			
II	Cán bộ quản lý	03		02	01							03			
1	Hiệu trưởng	1		1								01			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1							02			
III	Nhân viên	08				01	03								
1	Nhân viên	1					x								

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				x									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					x								
5	Nhân viên thư viện	1					x								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					x								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	...														

Bình thành, ngày 18 tháng 10 năm 2022
Hiệu trưởng

Phạm Thị Ngọc Thủy